

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 26-28 THÁNG 9 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						585 707	280 703	305 004			
I		CẢNG CHÍNH						114 400	23 629	90 771			
		<i>Tàu đã làm hàng (trong cầu)</i>						16 872	16 553	319			
1		ĐẠM HÀ BẮC	21/9	586/9	30/9	QN 4330	CÁM 4A.1	1 700	1 677	23	25/9	HỘ LỚN	
2		ĐẠM NINH BÌNH	22/9	590/9	30/9	NB 8611	CÁM 4A.1	3 100	3 046	54	26/9	HỘ LỚN	
3		ĐẠM HÀ BẮC	23/9	593/9	30/9	QN 4320	CÁM 4A.1	1 700	1 654	46	27/9	HỘ LỚN	
4		NHÓM LÂM ĐÔNG	26/9	2445/9	30/9	HOÀNG GIA 45	CÁM 5A.1	1 705	1 569	136	27/9	HỘ LỚN	
							CỤC 4A.2	1 375	1 352	23	27/9	HỘ LỚN	
5		TRƯỜNG ANH 888	23/9	2275/9	30/9	BN 2615	CỤC XÔ 1C	1 200	1 195	5	25/9	TD	GIA HẠN L2
6		THAN SÔNG HỒNG	19/9	2389/9	26/9	BN 1856	CÁM 4A.1	1 050	1 049	1	25/9	TD	
7		KDT MIỀN BẮC	25/9	2440/9	30/9	HD 5935	CÁM 1	2 892	2 886	6	25/9	TD	
8		THẮNG CUÔNG	27/9	2449/9	30/9	HN 2534	CỤC 4A.1	1 150	1 134	16	27/9	TD	
9		KDT HÀ NỘI	27/9	2450/9	30/9	BN 2519	CỤC 4A.2	1 000	990	10	27/9	TD	
		<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>						8 000	7 075	925			
1		NHÔM ĐẮK NÔNG	22/9	2415/9	30/9	THANH BÌNH 68	CÁM 5A.1	4 200	4 131	69	RÓT DỖ	HỘ LỚN	
2		NHÔM LÂM ĐÔNG	22/9	2416/9	30/9	THANH BÌNH 68	CỤC 4A.2	2 600	2 425	176	RÓT DỖ	HỘ LỚN	
3		MẶT TRỜI VIỆT NINH BÌNH	23/9	2363/9	30/9	NB 8530	CỤC XÔ 1C	1 200	520	680	RÓT DỖ	TD	GIA HẠN L1
		<i>Tàu đã làm lệnh (trong cầu)</i>						89 528		89 528			
1		ĐIỆN VŨNG ÁNG	17/9	573/9		TRƯỜNG NGUYỄN OCEAN	CÁM 5A.10	23 300		23 300		HỘ LỚN	TTCO: 10.300 CLM: 13.000
2		ĐẠM HÀ BẮC	26/9	602/9	30/9	QN 4114	CÁM 4A.1	1 700		1 700		HỘ LỚN	
3		KDT HẢI PHÒNG	16/9	2361/9	26/9	BN 2329	CÁM 6B.1	1 500		1 500		PTCB	
4		COALIMEX	24/9	2433/9	30/9	VIỆT THUẬN HN-01	CÁM 5A.1	2 900		2 900		PTCB	
							CÁM 5B.1	3 200		3 200		PTCB	
5		ĐTTM VÀ DỊCH VỤ VINACOMIN	24/9	2435/9	30/9	BN 2929	CÁM 5B.1	3 200		3 200		PTCB	
6		KDT BẮC TRUNG BỘ	27/9	2452/9	30/9	NB 8917	CÁM 4B.1	2 900		2 900		PTCB	
7		TRƯỜNG ANH 888	24/9	2184/9	30/9	BN 2005	CÁM 4B.1	1 542		1 542		TD	GIA HẠN L3

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 26-28 THÁNG 9 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
8		VẬN TẢI THỦY	13/9	2144/8	20/9	BN 2706	CÁM 4B.1	1 600		1 600		TD	GIA HẠN L3
9		DVVT QUẢNG NINH	14/9	2142/8	21/9	BN 1798	CÁM 4B.1	1 300		1 300		TD	GIA HẠN L2
10		DVVT QUẢNG NINH	14/9	2221/8	21/9	HN 2402	CÁM 4B.1	1 900		1 900		TD	GIA HẠN L2
11		VẬN TẢI THỦY	13/9	2143/8	20/9	BN 2115	CÁM 4B.1	1 400		1 400		TD	GIA HẠN L3
12		SX & TM THAN UỐNG BỈ	14/9	2347/9	21/9	BN 2196	CỤC XỔ 1C	1 200		1 200		TD	
13		CROMIT CỔ ĐỊNH THANH HÓA	15/9	2274B/9	22/9	BN 0719	CỤC XỔ 1C	1 160		1 160		TD	Thay TBRT số 2274/9
14		XNK THAN	15/9	2356/9	22/9	BN 2366	CÁM 4B.1	1 900		1 900		TD	
15		TRƯỜNG ANH 888	24/9	2185/8	30/9	BN 2203	CÁM 4B.1	1 560		1 560		TD	GIA HẠN L3
16		VẬN TẢI THỦY	18/9	2296/9	25/9	BN 1826	CỤC XỔ 1C	1 100		1 100		TD	GIA HẠN L1
17		XDCN MỎ	20/9	2400/9	27/9	BN 0719	CỤC XỔ 1C	1 160		1 160		TD	
18		SX & TM THAN UỐNG BỈ	22/9	2347/9	30/9	BN 2196	CỤC XỔ 1C	1 200		1 200		TD	
19		COALIMEX	23/9	2356/9	30/9	BN 2366	CÁM 4B.1	1 900		1 900		TD	
20		XNK ANH KHOA	23/9	2419/9	30/9	HN 2556	CÁM 4A.1	2 656		2 656		TD	
21		DDTM VÀ DV VINACOMIN	23/9	2421/9	30/9	HD 2095	CÁM 4B.1	1 988		1 988		TD	
22		KDT MIỀN BẮC	26/9	2446/9	30/9	NEW GOLD	CÁM 2A.1	24 000		24 000		TD	
23		KDT MIỀN BẮC	27/9	2451/9	30/9	HP 5915	CÁM 1	2 262		2 262		TD	
24		THAN SÔNG HỒNG	27/9	2247/9	30/9	BN 2112	CÁM 4B.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
		Tàu chuyển tải						172 700	75 240	97 460			
		Tàu đã làm hàng						47 500	47 182	318			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN	17/9	572/9		GOLDEN STAR	CÁM 6A.1	23 600	23 348	252	27/9	HỘ LỚN	TTHG: 19.789,1 KVCP: 3.559,36
2		ĐIỆN DUYÊN HẢI	21/9	584/9		VIỆT THUẬN 26-01	CÁM 6A.14	23 900	23 833	67	27/9	HỘ LỚN	CLM: 18.598,67 TTHG: 5.234,44
		Tàu dự kiến rút trong ngày						99 600	28 058	71 542			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN	21/9	588/9		VINACOMIN 30-01	CÁM 6A.1	29 300	28 058	1 242	RÓT DỖ	HỘ LỚN	
2		ĐIỆN VĨNH TÂN	22/9	589/9		TRƯỜNG NGUYỄN SKY	CÁM 6A.1	26 300		26 300		HỘ LỚN	TTHG: 23.000 KVCP: 3.300
3		XNK THAN	22/9	2413/9		VIET THUAN OCEAN	CÁM 3B.2	44 000		44 000		TD	KVĐB: 44.000
		Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)						25 600		25 600			

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÂM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 26-28 THÁNG 9 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
1		ĐIỆN VĨNH TÂN	25/9	595/9		VIỆT THUẬN 26-03	CÁM 6A.1	25 600		25 600		HỘ LỚN	TTHG: 20.000 KVCP: 5.600
II		KHO G9-HÓA CHẤT						82 736	41 544	41 192			
		<i>Tàu đã lâm hàng</i>						39 210	38 597	613			
1		KDT HẢI PHÒNG	23/9	2428/9	30/9	HD 2039	CÁM 6B.1	1 625	1 619	6	25/9	PTCB	
2		KDT HẢI PHÒNG	24/9	2431/9	30/9	BN 2518	CÁM 6B.1	1 685	1 683	2	25/9	PTCB	
3		KDT CẦU ĐUÔNG	24/9	2437/9	30/9	BN 2366	CÁM 6B.1	1 930	1 917	13	25/9	PTCB	
4		KDT HẢI PHÒNG	24/9	2438/9	30/9	HP 4852	CÁM 6B.1	1 350	1 337	13	25/9	PTCB	
5		KDT BẮC TRUNG BỘ	22/9	2412/9	30/9	NB 8305	CÁM 7B	3 100	3 044	56	26/9	PTCB	NGUỒN ĐN-C6
6		KDT CẦU ĐUÔNG	24/9	2430/9	30/9	QN 6798	CÁM 7C	1 455	1 451	4	26/9	PTCB	NGUỒN ĐN-C6
7		KDT MIỀN BẮC	24/9	2436/9	30/9	HP 6690	CÁM 7C	2 226	2 192	34	26/9	PTCB	NGUỒN ĐN-C6
8		KDT MIỀN BẮC	26/9	2444/9	30/9	HP 6955	CÁM 6B.1	1 850	1 838	12	26/9	PTCB	
9		KDT HẢI PHÒNG	26/9	2447/9	30/9	HP 4845	CÁM 7C	1 100	1 073	27	26/9	PTCB	NGUỒN KVCP
10		HÀNG HẢI VIỆT NAM	24/9	2217B/8	30/9	NB 8707	CÁM 8A	1 500	1 456	44	25/9	TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN L3
11		XNK THAN	18/9	2381/9	25/9	VTT 98	CÁM 8A	3 200	3 053	147	25/9	TD	NGUỒN ĐN-C6
12		THÁI SƠN HP	25/9	2382/9	30/9	HD 6299	CÁM 8A	2 316	2 314	2	26/9	TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN L1
13		ĐTTM & DỊCH VỤ	21/9	2406/9	28/9	NAM ANH 279	CÁM 8A	1 500	1 479	21	26/9	TD	NGUỒN ĐN-C6
14		XNK ANH KHOA	25/9	2443/9	30/9	QN 8488	CÁM 8A	1 930	1 922	8	26/9	TD	NGUỒN CS
15		CP VĨNH THẮNG	25/9	2442/9	30/9	BN 0988	CÁM 4A.1	1 000	990	10	26/9	TD	NGUỒN KVCP
16		MẶT TRỜI VIỆT NINH BÌNH	26/9	2379B/9	30/9	NB 8901	CÁM 8A	2 350	2 338	12	27/9	TD	NGUỒN ĐN-C6
17		THAN SÔNG HỒNG	27/9	2392/9	30/9	QN 8547	CÁM 8A	996	989	7	27/9	TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN L1
18		SX & TM THAN UÔNG BÍ	26/9	2383/9	30/9	QN 8389	CÁM 8A	1 982	1 965	17	27/9	TD	NGUỒN CS
19		KDT CẦU ĐUÔNG	26/9	2448/9	30/9	BN 2139	CÁM 6B.1	1 275	1 233	42	27/9	TD	NGUỒN KVCP
20		VIỆT THUẬN 26-01	21/9	4841/9		VINACOMIN TĐ 02	TNK - LÀO	4 840	4 701	139	25/9	BỐC THAN NK	
		<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>						9 398	2 948	6 450			
1		KDT HẢI PHÒNG	27/9	2454/9	30/9	HP 4854	CÁM 7C	1 100	186	914	ĐỎ	PTCB	NGUỒN KVCP
2		THAN MIỀN NAM	27/9	2391/9	30/9	FLJ777	CÁM 8A	2 300	989	1 311	ĐỎ	TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN L1
3		VT & KDT	25/9	2033/8	30/9	BN 1336	CỤC XỐ 1A	1 000	751	249	ĐỎ	TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN L6
4		ĐT TM & DV	24/9	2429/9	30/9	NISSI 777	CÁM 8A	1 970	1 022	948	ĐỎ	TD	NGUỒN ĐN-C6
5		ĐTKS-THAN ĐÔNG BẮC	26/9	2376/9	30/9	HY 0802	CÁM 8A	1 928		1 928		TD	NGUỒN CS GIA HẠN L1
6		ĐTTM & DỊCH VỤ	27/9	2397B/9	30/9	BN 2022	CÁM 8A	1 100		1 100		TD	NGUỒN ĐN-C6 Thay TBRT 2397/9

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 26-28 THÁNG 9 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		<i>Tàu đã làm lệnh</i>						<i>34 128</i>		<i>34 128</i>			
1		ĐTTM & DỊCH VỤ	24/9	2434/9	30/9	BN 3046	CỤC 1B	1 600		1 600		TD	NGUỒN TN
2		THÁI SƠN HP	17/9	2276/9	24/9	HN 2187	CÁM 8A	1 170		1 170		TD	NGUỒN CS GIA HẠN L1
3		ĐTTM & DỊCH VỤ	22/9	2208/8	30/9	BN 1468	CỤC XỔ 1C	1 150		1 150		TD	NGUỒN MD GIA HẠN L3
4		SX & TM THAN UỐNG BỈ	22/9	2166/8	30/9	BN 1997	CỤC XỔ 1A	550		550		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN L3
							CỤC XỔ 1B	550		550		TD	
5		XNK VTA	15/9	2352/9	22/9	BN 2212	CÁM 8A	1 920		1 920		TD	Thay TBRT 2219/8
6		DVVT QUẢNG NINH	19/9	2388/9	26/9	LAM HỒNG 99	CÁM 8A	2 150		2 150		TD	NGUỒN ĐN-C6
7		ĐTTM & DỊCH VỤ	20/9	2393/9	27/9	HD 6131	CỤC XỔ 1B	1 600		1 600		TD	NGUỒN TN
8		SX & TM THAN UỐNG BỈ	19/9	2385/9	26/9	HẢI ẦU 199	CÁM 8A	2 300		2 300		TD	NGUỒN ĐN-C6
9		THAN MIỀN NAM	22/9	2414/9	30/9	PHÚC THỊNH 18	CÁM 8A	940		940		TD	NGUỒN ĐN-C6
							CỤC XỔ 1B	1 000		1 000		TD	NGUỒN TN
10		KDT HẢ NỘI	22/9	2418/9	30/9	BN 1879	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	
11		ĐTTM & DỊCH VỤ	22/9	2411/9	30/9	BN 2158	CỤC XỔ 1A	1 538		1 538		TD	NGUỒN ĐN-C6
12		VT QUẢNG NINH	23/9	2191/8	30/9	BN 2189	CỤC 1B	1 100		1 100		TD	NGUỒN ĐN-C6
13		VT THỦY	23/9	2154/8	30/9	HD 1818	CÁM 8A	1 981		1 981		TD	NGUỒN CS
14		THÁI SƠN HP	23/9	2420/9	30/9	TD 37-CG	CÁM 8A	1 658		1 658		TD	NGUỒN ĐN-C6
							CÁM 8A	1 500		1 500		TD	NGUỒN CS
15		VẬN TẢI THỦY	25/9	2441/9	30/9	HD 1213	CÁM 8A	2 312		2 312		TD	NGUỒN CS
16		TRƯỜNG ANH 888	25/9	2372/9	30/9	HD 2266	CÁM 8A	1 979		1 979		TD	NGUỒN CS GIA HẠN L1
17		XNK ANH KHOA	25/9	2205/8	30/9	VP 2882	CÁM 8A	1 960		1 960		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN L4
18		XNK VTA	25/9	2374/9	30/9	HD 2099	CÁM 8A	1 970		1 970		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN L1
19		XNK THAN	26/9	2283/9	30/9	BN 0757	CỤC XỔ 1B	1 100		1 100		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN L2
20		DVVT QUẢNG NINH	27/9	2453/9	30/9	QN 7535	CỤC XỔ 1C	1 100		1 100		TD	NGUỒN TTCO
III		KHO BẢO NGUYỄN						14 036	7 608	6 428			
		<i>Tàu đã làm hàng</i>						<i>7 644</i>	<i>7 608</i>	<i>36</i>			
1		ĐIỆN PHẢ LẠI	21/9	583/9	30/9	TD 11-1	CÁM 5B.10	2 354	2 347	7	25/6	HỘ LỚN	
2		ĐIỆN PHẢ LẠI	21/9	582/9	30/9	HN 1809	CÁM 5B.10	3 500	3 474	26	26/9	HỘ LỚN	
3		ĐIỆN PHẢ LẠI	22/9	591/9	30/9	QN 5634	CÁM 5B.10	1 790	1 788	2	27/9	HỘ LỚN	

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 26-28 THÁNG 9 NĂM 2026

[illegible]

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 26-28 THÁNG 9 NĂM 2026

[illegible]

